

**TOÀ PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **157/2026/HC- PT**

Ngày: 08/5/2026

V/v: “*Kiến Quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Anh Dũng.

Các thẩm phán: Ông Đặng Kim Nhân và ông Trần Đức Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Quang Toàn - Thư ký Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 232/2025/TLPT-HC ngày 12 tháng 11 năm 2025 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 199/2025/HC-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 801/2026/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Đặng Văn L, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Thôn F, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ liên hệ: 5 Q, phường T, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Phạm Hữu H, sinh năm 1997. Địa chỉ: 5 Q, phường T, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Duy H1 – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Công ty TNHH MTV L2. Địa chỉ: Số B N, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Long Thị T, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn F, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ liên hệ: 5 Q, phường T, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo uỷ quyền ông Phạm Hữu H trình bày:***

Vào tháng 5/2024, ông L nhận được Quyết định cưỡng chế thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 14/6/2024, ông L đến Trung tâm phát triển quỹ đất để đối thoại các nội dung liên quan đến việc thu hồi đất để thi công công trình nêu trên, cụ thể là việc kiểm đếm đất và tài sản gắn liền với đất không có sự tham gia của ông L nhưng UBND huyện E không ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc mà tự kiểm đếm và nhận hồ sơ (Phương án, Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất).

Từ ngày 19/6/2024 đến ngày 03/7/2024, UBND huyện E tiến hành kiểm đếm theo quy định pháp luật.

Ngày 22/8/2024, UBND xã C ban hành quyết định xác nhận nguồn gốc đất cho ông L.

Ông Đặng Văn L là người bị thu hồi các thửa đất số 47, 67 tờ bản đồ số 10 thuộc thôn F, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án K tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Ông L khởi kiện đề:

Thứ nhất, ông L đề nghị cơ quan chức năng xem xét hủy bỏ dự án thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án K tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với các thửa đất của ông L. Vì diện tích đất trên của ông L đã canh tác ổn định và là nguồn thu thập chính của gia đình, nên việc thu hồi đất của ông L để giao cho người nơi khác đến canh tác là không hợp lý. Việc thu hồi này khiến gia đình ông L lâm vào tình trạng vô cùng khó khăn trong việc ổn định cuộc sống và canh tác.

Thứ hai, nếu thu hồi đất đối với các thửa đất số 47, 67 tờ bản đồ số 10 thì phải bồi thường cho gia đình ông L theo quy định của pháp luật, cụ thể vì những căn cứ sau:

- Hộ gia đình ông L từ H, Cao Bằng chuyển vào địa phương xã C vào khoảng đầu năm 2000 (việc này đã được cơ quan Công an xác nhận) để sinh sống và canh tác vào mục đích sản xuất nông nghiệp từ đó đến nay. Hộ ông L mua lại thửa đất

số 47, 67 tờ bản đồ số 10 của ông Lương Văn X và bà Ngô Thị L1 vào ngày 09/3/2019 với giá 165.000.000 đồng, việc mua bán đã được thực hiện như sau: ông L đã giao đầy đủ tiền mua đất và nhận đất, tài sản trên đất để canh tác ổn định từ đó đến nay. Ông L trực tiếp sản xuất nông nghiệp và dựa vào sản xuất nông nghiệp để sống, không có ngành nghề gì khác.

- Các thửa đất nêu trên được gia đình ông Lương Văn X và bà Ngô Thị L1 khai phá vào năm 1995 và canh tác ổn định từ đó cho đến năm 2019 thì sang nhượng cho ông L, việc khai phá và sử dụng ổn định có các minh chứng sau: Hộ ông Lương Văn X và bà Ngô Thị L1 có trồng Điều vào năm 2000 và trồng nhiều cây khác. Việc thời điểm tạo lập cây trồng và canh tác ổn định đã được cơ quan chức năng và cơ quan chuyên môn là Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện E xác định như sau: Có những cây điều gia đình ông Lương Văn X và bà Ngô Thị L1, ông L canh tác rất tốt nên được cơ quan chuyên môn xác định chất lượng là loại A, cụ thể là 131 cây điều trồng năm 2000 loại A, 33 cây điều trồng năm 2000 loại B...(Biên bản kiểm đếm ngày 20/6/2024).

- Việc khai phá đất từ năm 1995 và sử dụng ổn định lâu dài của gia đình ông Lương Văn X và bà Ngô Thị L1 đến năm 2019 thì sang nhượng cho ông L còn được trường thôn, phó thôn, bí thư chi bộ các thời kỳ làm chứng.

- Ông Lương Văn X và bà Ngô Thị L1 khai phá sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai, không bị cơ quan chức năng xử phạt hành chính liên quan đến việc sử dụng đất đai. Từ năm 2019 khi ông L nhận sang nhượng để sử dụng ổn định, cũng không tranh chấp với ai, không bị cơ quan chức năng xử phạt hành chính liên quan đến việc sử dụng đất đai.

Vì vậy, có đủ cơ sở để xác định các thửa đất nêu trên của gia đình ông L là có nguồn gốc được gia đình ông Lương Văn X và bà Ngô Thị L1 khai hoang vào năm 1995 và sử dụng ổn định đến năm 2019 thì sang nhượng cho ông Đặng Văn L. Nên khi nhà nước thu hồi đất thì phải bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, chuyển đổi nghề cho hộ gia đình ông L theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, kể cả có việc lấn chiếm thì:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 77 Luật đất đai đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 01/7/2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang được sử dụng.

- Tại khoản 1 Điều 75 của Luật đất đai năm 2013 đã quy định một trong những điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng là: Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu

nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận theo quy định của Luật này mà chưa được cấp.

- Tại điểm c khoản 1 và khoản 5 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai đã quy định: Trường hợp sử dụng đất lấn, chiếm đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh, Ban quản lý rừng, trung tâm, trạm, trại, công ty N, lâm nghiệp và nay đang sử dụng đất ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở; không có tranh chấp và không thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, xây dựng công trình hạ tầng công cộng thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp giấy chứng nhận. Trường hợp thửa đất có nhà ở thì diện tích đất ở được công nhận theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; phần diện tích đất đang sử dụng được xác định là đất nông nghiệp thì được công nhận quyền sử dụng đất theo chế độ như quy định đối với trường hợp tại Điều 20 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

Do vậy, đối với trường hợp các hộ dân lấn, chiếm sử dụng đất trước ngày 01/7/2004 để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở mà đất này đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh trước đây, nay nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 61, Điều 62 của Luật đất đai thì người sử dụng đất được bồi thường về đất.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định: “Trường hợp lấn, chiếm đất và nay đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở và không thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, xây dựng công trình hạ tầng công cộng thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”. Nên khi nhà nước thu hồi thì người sử dụng đất phải bồi thường theo khoản 1 Điều 75 Luật đất đai.

Và có một số tài sản trên đất được gia đình ông L tạo lập sau năm 2013. Đề nghị cơ quan chức năng bồi thường các tài sản này cho ông L. Vì ông L không nhận được thông báo thu hồi đất số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013 của UBND huyện E nên không biết diện tích đất ông L bị thu hồi. Ngoài ra, căn cứ vào khoản 3 Điều 49 Luật đất đai thì sau 3 năm kể từ khi có kế hoạch sử dụng đất hằng năm của cấp huyện đã được công bố mà chưa có quyết định thu hồi đất thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải điều chỉnh, hủy bỏ và phải công bố kế hoạch về việc điều chỉnh, hủy bỏ việc thu hồi đất. trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất không điều chỉnh, hủy bỏ hoặc có điều chỉnh, hủy bỏ nhưng không công bố việc điều chỉnh, hủy bỏ thì người dân không bị hạn chế quyền tạo lập tài sản. Nên các tài sản được tạo lập sau năm 2013 của ông L cũng phải được bồi thường.

Ngày 14/6/2024, ông L nhận được Quyết định số 04/QĐ-UBND do UBND huyện E ban hành ngày 18/01/2023 về việc thu hồi đất; Quyết định số 03/QĐ-UBND do UBND huyện E ban hành ngày 18/01/2023 và Quyết định số 461/QĐ-UBND do UBND huyện E ban hành ngày 4/12/2023 về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk không bồi thường về đất, không bồi thường về tài sản gắn liền với đất, không hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm mà cho rằng hộ ông L lấn chiếm đất vào năm 2009 nên chỉ hỗ trợ 50% về đất, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất với tổng giá trị là 143.097.720 đồng.

Việc không bồi thường về đất, không bồi thường về tài sản gắn liền với đất, không hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là không đúng quy định của pháp luật, gây thiệt hại lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông L.

Chính vì vậy để đảm bảo quyền và lợi ích của mình, ông L yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề cụ thể như sau:

- Hủy bỏ một phần Quyết định số 04/QĐ-UBND do UBND huyện E ban hành ngày 18/01/2023 về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Đặng Văn L.

- Hủy bỏ một phần Quyết định số 03/QĐ-UBND do UBND huyện E ban hành ngày 18/01/2023 và hủy bỏ một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND do UBND huyện E ban hành ngày 04/12/2023 về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Đặng Văn L.

- Buộc UBND huyện E phải ban hành quyết định bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đúng theo quy định của pháp luật đối với hộ ông Đặng Văn L.

*** *Quá trình tham gia tố tụng, người bị kiện UBND huyện E trình bày:***

- Nguồn gốc đất: Căn cứ theo xác nhận số 73/GXN-UBND ngày 25/12/2022 của UBND xã C xác nhận đối với hộ ông Đặng Văn L thì toàn bộ diện tích đất thuộc phạm vi thu hồi của tất cả các hộ gia đình có nguồn gốc lấn, chiếm đất do UBND tỉnh Đ giao cho Công ty TNHH MTV L2 quản lý theo Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Công ty L2 thuê 137.935.686 m² đất và cấp GCNQSDĐ cho Công ty để sử dụng vào mục đích nông nghiệp. Theo đó, thời điểm sử dụng đất ổn định từ năm 2009.

- Căn cứ bồi thường về đất: Căn cứ Điều 82 của Luật đất đai năm 2013:

“Điều 82. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất

Nhà nước thu hồi đất không bồi thường về đất trong các trường hợp sau đây:

- 1. Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật này;*
- 2. Đất được Nhà nước giao để quản lý;*
- 3. Đất thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 64 và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 của Luật này;”*

Tại Điều 64 của Luật đất đai năm 2013 quy định:

“Điều 64. Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai

- 1. Các trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai bao gồm:*

a) Sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất và đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng đất không đúng mục đích mà tiếp tục vi phạm;

b) Người sử dụng đất cố ý hủy hoại đất;

c) Đất được giao, cho thuê không đúng đối tượng hoặc không đúng thẩm quyền;

d) Đất không được chuyển nhượng, tặng cho theo quy định của Luật này mà nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho;

đ) Đất được Nhà nước giao để quản lý mà để bị lấn, chiếm;

e) Đất không được chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của Luật này mà người sử dụng đất do thiếu trách nhiệm để bị lấn, chiếm;

g) Người sử dụng đất không thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và đã bị xử phạt vi phạm hành chính mà không chấp hành;

h) Đất trồng cây hàng năm không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục; đất trồng cây lâu năm không được sử dụng trong thời hạn 18 tháng liên tục; đất trồng rừng không được sử dụng trong thời hạn 24 tháng liên tục;

i) Đất được Nhà nước giao, cho thuê để thực hiện dự án đầu tư mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa phải đưa đất vào sử dụng; trường hợp không đưa đất vào sử dụng thì chủ đầu tư được gia hạn sử dụng 24 tháng và phải nộp cho Nhà nước khoản tiền tương ứng với mức tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với thời gian chậm tiến độ thực hiện dự án trong thời gian này; hết thời hạn được gia hạn mà chủ đầu tư vẫn chưa đưa đất vào sử dụng thì Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp do bất khả kháng.”

Đất của hộ ông Đặng Văn L đang sử dụng thuộc khoản đ, Điều 64 của Luật đất đai năm 2013 nên không được bồi thường về đất.

- Căn cứ về bồi thường tài sản gắn liền với đất: Căn cứ Điều 92 của Luật đất đai năm 2013:

“Điều 92. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất

1. Tài sản gắn liền với đất thuộc một trong các trường hợp thu hồi đất quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, i khoản 1 Điều 64 và điểm b, d khoản 1 Điều 65 của Luật này.

2. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và công trình xây dựng khác không còn sử dụng.”

Tài sản gắn liền với đất của hộ ông Đặng Văn L thuộc khoản 1, Điều 92 của Luật Đất đai năm 2013 nên không được bồi thường.

- Căn cứ về hỗ trợ ổn định đời sống: Căn cứ khoản 2, Điều 19, Nghị định 47/2014/NĐ-CP:

“2. Điều kiện để được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất thực hiện theo quy định sau đây:

a) Đối với hộ gia đình, cá nhân, tổ chức kinh tế, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang sử dụng đất thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại các Điều 100, 101 và 102 của Luật Đất đai, trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản này;

b) Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông trường, lâm trường quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này thì phải có hợp đồng giao khoán sử dụng đất.”

Diện tích đất thu hồi của hộ ông Đặng Văn L có nguồn gốc lấn chiếm đất của công ty TNHH MTV L2, không thuộc trường hợp được hỗ trợ chế độ này.

- Căn cứ về hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm: Căn cứ khoản 1, Điều 20, Nghị định 47/2014/NĐ-CP:

“Điều 20. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định sau đây:

a) Hỗ trợ bằng tiền không quá 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương;

b) Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định căn cứ điều kiện thực tế của địa phương.”

Diện tích đất thu hồi của hộ ông Đặng Văn L không đủ điều kiện được bồi thường về đất nên không thuộc trường hợp được hỗ trợ chế độ này.

Từ các nhận định và căn cứ nêu trên việc ông Đặng Văn L buộc UBND huyện E ban hành Quyết định bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E – Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Bùi Duy H1 trình bày: Về quan điểm UBND xã E đã có văn bản nêu ý kiến đối với nội dung khởi kiện gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.*

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Long Thị T trình bày: Bà T hoàn toàn đồng ý với quan điểm và yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn L và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà.*

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV L2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày quan điểm ý kiến của mình trong suốt quá trình giải quyết vụ án.*

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 199/2025/HC-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 3 Điều 59; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204 và Điều 206 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 23 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Áp dụng: Các Điều 62, 63, 64, 66, 67, 69, 75, 77, 82, 84, 92 Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng các Điều 21, 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 19, 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP; Điều 19, Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; khoản 3 Điều 53 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai

Áp dụng khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Đặng Văn L đối với nội dung:

- Hủy một phần Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk và Hủy một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 do UBND huyện E ban hành về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Đặng Văn L.

- Buộc Chủ tịch UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk) phải ban hành quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Đặng Văn L theo quy định của pháp luật, cụ thể: Hỗ trợ về đất và tài sản trên đất khi thu hồi đối với các thửa đất số 47, 67 tờ bản đồ số 10 cho hộ ông Đặng Văn L theo đúng quy định.

[2]. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn L đối với các nội dung:

- Hủy bỏ một phần Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc thu hồi đất để thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Đặng Văn L;

- Buộc Chủ tịch UBND xã Ê, tỉnh Đắk Lắk (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk) phải ban hành quyết định bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ ông Đặng Văn L khi nhà nước thu hồi đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/10/2025, người khởi kiện Đặng Văn L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện về bồi thường, hỗ trợ về đất, bồi thường, hỗ trợ về tài sản, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo đúng thời điểm sử dụng đất và theo bảng giá hiện hành.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông Đặng Văn L là ông Phạm Hữu H có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi kèm theo Bản tự khai. Tại bản tự khai, ông Phạm Hữu H cho rằng nguồn gốc sử dụng các thửa đất của ông Đặng Văn L là trước ngày 01/7/2004 nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không bồi thường về đất, bồi thường về tài sản, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm và hỗ trợ không đúng mức cho ông L theo đúng quy định là không đúng pháp luật. Trong trường hợp không bồi thường thì phải hỗ trợ mức 80% về đất và 80% về cây trồng theo khoản 5 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án có căn cứ, đúng pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Đặng Văn L và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, người đại diện uỷ quyền của người khởi kiện ông Đặng Văn L là ông Phạm Hữu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV L2 có đơn xin xét xử vắng mặt; người đại diện uỷ quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND xã Ê, tỉnh Đắk Lắk (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của UBND huyện E) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Long Thị T đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản

2 Điều 252 của Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[1.2] Về đối tượng và thẩm quyền giải quyết: Ông Đặng Văn L khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc thu hồi đất để thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Đặng Văn L (*Viết tắt là Quyết định số 04*); Hủy một phần Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của UBND huyện E (*Viết tắt là Quyết định số 03*) và hủy một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND huyện E (*Viết tắt là Quyết định số 461*) về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Đặng Văn L; Buộc UBND huyện E phải ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ về đất; bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất; hỗ trợ ổn định cuộc sống; hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định pháp luật đối với hộ ông Đặng Văn L. Đây là các quyết định hành chính của UBND cấp huyện nên việc Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý và xem xét giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Người khởi kiện cho rằng ngày 14/6/2024 ông L mới nhận được các Quyết định trên, phía người bị kiện mặc dù đã được Tòa án yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc tổng đạt, niêm yết các quyết định trên nhưng vẫn không cung cấp. Do đó, có cơ sở chấp nhận lời trình bày của ông L về thời điểm nhận được các quyết định trên là ngày 14/6/2024. Ngày 22/12/2024, ông L khởi kiện hủy Quyết định số 04, Quyết định số 03 và Quyết định số 461 là còn thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính.

[1.4] Về tư cách tham gia tố tụng:

Kể từ ngày 01/7/2025, UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk chấm dứt hoạt động. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 23 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai thì kể từ ngày 01/7/2025, Chủ tịch UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk kế thừa quyền và nghĩa vụ của UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk về thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Căn cứ khoản 4 Điều 59 của Luật tổ tụng hành chính, UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk trong vụ án hành chính này.

[2]. Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Đặng Văn L, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy rằng:

[2.1] Xem xét nội dung khởi kiện của ông Đặng Văn L về việc yêu cầu hủy Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của UBND huyện E, thấy rằng:

[2.1.2]. Về hình thức: Ngày 29/12/2021, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 3750/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 ủy quyền cho UBND các huyện (trong đó có UBND huyện E) phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, ủy quyền thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, do vậy UBND huyện E ban hành Quyết định số 04 là phù hợp về mặt hình thức và đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 66, điểm a khoản 3 Điều 69 của Luật Đất đai năm 2013.

[2.1.3]. Về nội dung: UBND huyện E căn cứ Quyết định số 1394/QĐ-BNN-XD, ngày 15/5/2009 của Bộ N1 về việc phê duyệt Dự án đầu tư Hồ C, tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 4988/QĐ-BNN-XD ngày 20/12/2018 của Bộ N1 về việc điều chỉnh phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình dự án: Hồ C, tỉnh Đắk Lắk (Giai đoạn 1); Quyết định số 140/QĐ-BNN-XD ngày 09/01/2020 của Bộ N1 về việc phê duyệt điều chỉnh phân giao nhiệm vụ chủ đầu tư và quản lý vốn đầu tư Dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1, tỉnh Đắk Lắk (giai đoạn 1); Quyết định số 3750/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 về việc ủy quyền phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, ủy quyền thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định số 1284/QĐ-UBND, ngày 08/06/2022 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 1550/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất đến năm 2022 của huyện E; Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 10/3/2022 của UBND tỉnh Đ về việc tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Hợp phần bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng dự án Hồ C, tỉnh Đắk Lắk năm 2022 và Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 17/3/2022 của UBND huyện E về Kế hoạch tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng, thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn huyện năm 2022 (Công trình thuộc Dự án Hồ chứa nước Krông Pách Thượng theo Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 10/3/2022 của UBND tỉnh và công trình khác do Ban QLDA ĐTXD CTGT và NNPTNT thực hiện); Quyết định số 1773/QĐ-UBND, ngày 18/7/2008 của UBND tỉnh Đ về việc cho Công ty L2 thuê 137.935.686m² đất và cấp giấy chứng nhận QSD đất cho Công ty để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp; Quyết định số 88/QĐ-UBND, ngày 16/01/2023 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 10/03/2022 của UBND tỉnh Đ về việc tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Hợp phần bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng Dự án Hồ C, tỉnh Đắk Lắk năm 2022; Thông báo số 140/TB-UBND, ngày 28/10/2013 chủ trương thu hồi đất để xây dựng điểm tái định cư số 1 tại xã C, huyện E thuộc hợp phần bồi thường, giải phóng mặt bằng, di dân và tái định cư thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 để ban hành Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 thu hồi 133.479,8m² đất của Công ty TNHH MTV L2, địa chỉ trụ sở tổ dân phố D, thị trấn E, huyện E,

tỉnh Đắk Lắk để phục vụ thi công công trình khu tái định cư số 1 (Khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách thượng tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp với quy định tại Điều 62, Điều 63 của Luật Đất đai năm 2013.

[2.1.4] Do đó, ông Đặng Văn L khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của UBND huyện E là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Xem xét nội dung khởi kiện của ông Đặng Văn L về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 và hủy một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND huyện E, thấy rằng:

[2.2.1]. Về hình thức: Ngày 29/12/2021, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 3750/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 ủy quyền cho UBND các huyện (trong đó có UBND huyện E) phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, ủy quyền thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, do vậy UBND huyện E ban hành Quyết định số 03 và Quyết định số 461 về việc phê duyệt phương án và phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông L là phù hợp về mặt hình thức và đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 66, điểm a khoản 3 Điều 69 của Luật Đất đai năm 2013.

[2.2.2]. Về nội dung của các Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 và hủy Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND huyện E.

[2.2.2.1]. Về nội dung yêu cầu bồi thường, hỗ trợ về đất:

Theo Quyết định thu hồi đất số 04/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của UBND huyện E và theo trích lục bản đồ địa chính thì diện tích đất ông Đặng Văn L bị thu hồi gồm các thửa đất: Thửa đất số **47**, tờ bản đồ số 10, diện tích 2451,9m² đất CLN; thửa đất số **67**, tờ bản đồ số 10, diện tích 8470,8m² đất CLN.

Ông Đặng Văn L trình bày: Gia đình ông từ H, Cao Bằng chuyển vào xã C sinh sống, canh tác nông nghiệp từ năm 2000 đến nay. Ngày 09/3/2019, ông nhận chuyển nhượng thửa đất số 47 và 67, tờ bản đồ số 10 của ông Lương Văn X và bà Ngô Thị L1 với giá 165.000.000 đồng, đã thanh toán đủ và được giao đất cùng tài sản để sử dụng ổn định. Nguồn gốc đất do ông X, bà L1 khai phá từ năm 1995, trồng cây điều và nhiều loại cây khác từ năm 2000. Theo biên bản kiểm đếm ngày 20/6/2024 của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện E, trên đất hiện có 131 cây điều trồng năm 2000 loại A, 33 cây điều loại B, thể hiện quá trình canh tác lâu dài, ổn định. Việc khai phá, sử dụng đất được trưởng thôn, phó thôn, bí thư chi bộ các thời kỳ xác nhận. Trong suốt quá trình sử dụng đất, cả trước và sau khi chuyển nhượng cho ông L đều không phát sinh tranh chấp, cũng không bị cơ quan nhà nước xử phạt hành chính về đất đai.

Ngày 18/01/2023, UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 04 thu hồi 133.479,8 m² đất của Công ty TNHH MTV L2, để phục vụ thi công công trình khu tái định cư số 1 (Khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông

Pách thượng tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, trong đó có phần diện tích đất hộ gia đình ông Đặng Văn L đang canh tác.

Do đất có nguồn gốc lấn chiếm và nằm trong diện bị thu hồi giao cho địa phương quản lý, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông Đặng Văn L không đủ điều kiện để được xem xét bồi thường về đất mà chỉ được hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất.

Tại Kết quả xác nhận số 73/GXN-UBND ngày 29/12/2022 của UBND xã C thể hiện 02 thửa đất nêu trên của hộ ông L đều có nguồn gốc sử dụng đất là: *“Lấn, chiếm đất của Công ty L2”*, cụ thể: thời điểm lấn chiếm đối với các thửa đất số 47 và 67 là năm **2009**. Tại kết quả xác nhận số 51/GXN-UBND ngày 26/8/2024 của UBND xã C (đã thay thế Kết quả xác nhận số 73/GXN-UBND ngày 29/12/2022), thể hiện nguồn gốc sử dụng đất là: *“Lấn, chiếm đất của Công ty L2”*, cụ thể: thời điểm lấn chiếm đối với các thửa đất số 47 và 67 là năm **2009**.

Tại Biên bản về việc kiểm tra, đánh giá, xác định về thời điểm trồng cây, độ tuổi và chất lượng cây trồng ngày 03/11/2022 do đại diện Trung tâm phát triển quỹ đất huyện E, UBND xã C, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện E, Công ty TNHH MTV L2 thể hiện như sau:

Đối với thửa đất số **47**: Cây Điều thường trồng năm 2000 loại A có 30 cây, Điều thường trồng năm 2000 loại B có 05 cây, Điều thường trồng năm 2000 loại C có 02 cây và Điều thường trồng năm 2015 loại A có 08 cây.

Đối với thửa đất số **67**: Cây Điều thường trồng năm 2000 loại A có 94 cây, Điều thường trồng năm 2000 loại B có 19 cây, Điều thường trồng năm 2000 loại C có 12 cây và một số cây trồng tạo lập sau thông báo thu hồi đất.

Tại bảng tổng hợp chi tiết ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của UBND huyện E thể hiện hộ ông Đặng Văn L không được hỗ trợ về đất. Tuy nhiên, tại bảng tổng hợp chi tiết ban hành kèm theo Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND huyện E thể hiện hộ ông Đặng Văn L được hỗ trợ về đất với tỷ lệ 50%.

Như vậy, việc UBND huyện E xác định thời điểm lấn chiếm là năm 2009, trong khi lại ghi nhận trên thực tế tài sản trên đất là cây trồng có từ năm 2000 là chưa thống nhất và có sự mâu thuẫn về thời điểm sử dụng các thửa đất số 47, 67. Để đảm bảo quyền và lợi ích của hộ ông Đặng Văn L, cần xác định thời điểm sử dụng đất của hộ ông L đối với thửa đất số 47 và thửa đất số 67 là từ năm 2000 để tính tỷ lệ hỗ trợ.

- Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ:

“Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp bị thu hồi đất mà không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định Luật Đất đai, không thuộc trường hợp

sử dụng đất vượt hạn mức theo Điều 129, Điều 130 Luật Đất đai năm 2013 và không được hỗ trợ theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013 mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất, cụ thể như sau:

“a) Thời điểm sử dụng đất trước ngày 15/10/1993: Được hỗ trợ bằng 100% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

b) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004: Được hỗ trợ bằng 80% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

c) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 27/9/2011 (ngày ban hành Chỉ thị số 1685/CT – TTg của Thủ tướng Chính phủ): Được hỗ trợ bằng 50% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

d) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 27/9/2011 đến trước ngày 01/7/2014: Được hỗ trợ bằng 30% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

đ) Sử dụng đất từ ngày 01/7/2014 trở về sau: Không được xem xét hỗ trợ.

e) Thời điểm sử dụng đất để xác định hỗ trợ theo các điểm a, b, c, d, đ khoản này là thời điểm hộ gia đình, cá nhân đầu tiên bắt đầu sử dụng đối với phần diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường, sử dụng đất liên tục kể từ thời điểm đó vào mục đích sản xuất nông nghiệp cho đến khi ban hành Thông báo thu hồi đất.”

Như vậy, việc UBND huyện E xác định mức hỗ trợ về đất đối với hộ ông Đặng Văn L như trên với mức hỗ trợ bằng 50% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định là chưa chính xác, mà cần hỗ trợ bằng 80% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2.2.2]. Về yêu cầu bồi thường, hỗ trợ các tài sản tạo lập trên đất:

- Đối với các tài sản tạo lập trước năm 2013: Như đã nhận định ở phần [3.2.1], do diện tích đất mà hộ ông Đặng Văn L sử dụng bị thu hồi có nguồn gốc lấn chiếm nên tài sản tạo lập trên đất không được bồi thường.

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 5, Điều 20 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ:

“ 5. Cây trồng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường được trồng trước khi có Thông báo thu hồi đất được hỗ trợ như sau:

a) Thời điểm sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 được hỗ trợ bằng 100% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

b) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 hỗ trợ bằng 80% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

c) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 hỗ trợ bằng 60% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.

d) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2014 đến trước khi có thông báo thu hồi đất thì cây trồng được hỗ trợ bằng 30% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành.”

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định có căn cứ chấp nhận hỗ trợ về cây trồng được tạo lập trước năm 2013 trên các thửa đất số 47 và thửa đất số 67, tờ bản đồ số 10 của hộ ông Đặng Văn L với mức hỗ trợ là 80% là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với các tài sản tạo lập sau năm 2013: Người khởi kiện (ông Đặng Văn L) trình bày gia đình ông không nhận được Thông báo số 140/TB-UBND ngày 28/10/2013 của UBND huyện E nên không biết diện tích đất ông bị thu hồi. Phía người bị kiện (UBND huyện E) cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có thông báo, niêm yết hoặc gửi văn bản này cho hộ ông Đặng Văn L là vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 53 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai *“Quyết định thu hồi đất phải được gửi đến người có đất bị thu hồi và được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi trong suốt thời gian kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được quyết định đến thời điểm kết thúc việc thu hồi”*.

Điều này dẫn đến việc ông Đặng Văn L không biết việc đất bị thu hồi mà vẫn canh tác, tạo lập tài sản trên đất cho đến khi bị cưỡng chế. Quá trình sử dụng đất, ông L không bị chính quyền địa phương nhắc nhở hay lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính về đất đai. Do đó các tài sản trên đất mà ông Đặng Văn L tạo lập thêm trong giai đoạn từ năm 2013 (khi có Thông báo chủ trương thu hồi đất của UBND huyện) đến khi biết được Quyết định thu hồi đất của UBND huyện E đều hợp pháp và cần được hỗ trợ ở mức 30% theo quy định tại điểm d khoản 5, Điều 20 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ như viện dẫn ở trên.

[2.2.2.3]. Về yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Việc sử dụng đất của gia đình ông L tại các thửa đất số 47, 67, tờ bản đồ số 10 là do chiếm đất của Công ty TNHH MTV L2, không thuộc các trường hợp được Nhà nước giao đất/nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, được tặng cho, khai hoang theo quy định của pháp luật/nhận khoán đất. Do đó, ông L không thuộc đối tượng được hưởng khoản hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Việc UBND huyện E không phê duyệt các khoản hỗ trợ trên đối với ông L là đúng quy định pháp luật. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông Đặng Văn L là đúng pháp luật.

[2.3]. Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy: Toà án cấp sơ thẩm đã: **(1)** chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Đặng Văn L đối với nội dung: **(1.1)** Hủy một phần Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk và Hủy một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 do UBND huyện E ban hành về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Đặng Văn L; **(1.2)** Buộc Chủ tịch UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk) phải ban hành quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Đặng Văn L theo quy định của pháp luật, cụ thể: Hỗ trợ về đất và tài sản trên đất khi thu hồi đối với các thửa đất số 47, 67 tờ bản đồ số 10 cho hộ ông Đặng Văn L theo đúng quy định; đồng thời **(2)** không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn L đối với các nội dung: **(2.1)** Hủy bỏ một phần Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của UBND huyện E về việc thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Đặng Văn L và **(2.2)** buộc Chủ tịch UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk) phải ban hành quyết định bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ ông Đặng Văn L khi nhà nước thu hồi đất là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.4] Ông Đặng Văn L kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới, khác làm căn cứ cho kháng cáo của mình. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông L mà cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Đặng Văn L và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Quan điểm này là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đặng Văn L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, ông L là người dân tộc thiểu số và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không đề cập xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Đặng Văn L và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 199/2025/HC-ST ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 3 Điều 59; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204 và Điều 206 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 23 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Áp dụng: Các Điều 62, 63, 64, 66, 67, 69, 75, 77, 82, 84, 92 Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng các Điều 21, 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 19, 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP; Điều 19, Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; khoản 3 Điều 53 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai

Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Đặng Văn L đối với nội dung:

- Hủy một phần Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk và Hủy một phần Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 do UBND huyện E ban hành về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ về đất và tài sản vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Đặng Văn L.

- Buộc Chủ tịch UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk) phải ban hành quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Đặng Văn L theo quy định của pháp luật, cụ thể: Hỗ trợ về đất và tài sản trên đất khi thu hồi đối với các thửa đất số 47, 67 tờ bản đồ số 10 cho hộ ông Đặng Văn L theo đúng quy định.

2.2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn L đối với các nội dung:

- Hủy bỏ một phần Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc thu hồi đất để thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách T1 tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ ông Đặng Văn L;

- Buộc Chủ tịch UBND xã Ê, tỉnh Đắk Lắk (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk) phải ban hành quyết định bồi thường về đất, bồi thường về tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ ông Đặng Văn L khi nhà nước thu hồi đất.

3. Căn cứ Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Ông Đặng Văn L được miễn tiền án phí hành chính phúc thẩm.

4. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Anh Dũng